

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **334/2019/DS-PT**

Ngày: 15/11/2019

V/v tranh chấp: “Chia di sản thừa kế theo pháp luật”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Trung Hiếu**

Các Thẩm phán: Bà **Trần Thị Kim Em**

Ông **Mai Hoàng Khải**

Thư ký phiên tòa: Bà **Huỳnh Hoàng Phương** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Bà **Nguyễn Thị Cẩm Thúy** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 08 và 15 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 155/2019/TLPT-DS ngày 27/05/2019 về việc tranh chấp “Yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật”.

Do bản án sơ thẩm số 14/2019/DS-ST ngày 12 tháng 04 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 208/2019/QĐ-PT ngày 30/05/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1968; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Q, xã N, thị xã L, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1974; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Phú A, xã P, thị xã L, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà **Nguyễn Thị Kim P**, sinh năm 1978; (xin vắng)

Địa chỉ: Ấp Phú A, xã P, thị xã L, tỉnh Tiền Giang.

3.2. Bà **Nguyễn Thị P1**, sinh năm 1970; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Q, xã N, thị xã L, tỉnh Tiền Giang.

3.3. Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1966; (xin vắng)

Địa chỉ: Ấp Tân T, xã Tân H, thị xã L, tỉnh Tiền Giang.

3.4. Bà **Lê Thị T**, sinh năm 1975; (có mặt)

3.5. Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1996; (xin vắng)

3.6. Chị **Nguyễn Thị Thúy A**, sinh năm 2002; (xin vắng)

Cùng địa chỉ: Ấp Phú A, xã P, thị xã L, tỉnh Tiền Giang.

3.7. Ông **Nguyễn Thanh P**, sinh năm 1973; (xin vắng)

Địa chỉ: Khu phố M, xã N, thị xã L, tỉnh Tiền Giang.

4. Người kháng cáo: Bị đơn **Nguyễn Văn H**

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm:

** Nguyên đơn **Nguyễn Văn D** trình bày:*

Cha ông D là cụ Nguyễn Văn Q, sinh năm 1941, chết năm 1975 và mẹ là cụ Trần Thị D1, sinh năm 1946, chết ngày 15/12/2005. Cụ Q và cụ D1 sinh được 05 người con gồm:

1. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1966;
2. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1968;
3. Bà Nguyễn Thị P1, sinh năm 1970;
4. Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1970, chết ngày 06/5/2008.

Người thừa kế chuyển tiếp của ông H1 gồm:

- Nguyễn Văn T, sinh năm 1996;
 - Nguyễn Thị Thúy A, sinh năm 2002;
5. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1974.

Cụ D1 chết có để lại tài sản là di sản thừa kế tính đến hiện nay chỉ còn lại một phần đất tại số thửa 77, tờ bản đồ số 14, sau khi trừ diện tích giải tỏa đền bù, diện tích phần còn lại theo thẩm định đo đạc thực tế diện tích là 855m², đất tọa lạc tại ấp Q, xã N, thị xã L, tỉnh Tiền Giang, phần đất này do cụ D1 đăng ký kê khai đứng tên trong sổ mục kê 299 nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và số tiền giải tỏa, đền bù diện tích đất 527,8m² là 110.838.000 đồng. Tài sản là di sản của cụ D1 nói trên hiện nay do ông Nguyễn Văn H đang trực tiếp quản lý. Do tài sản là di sản của cụ D1 chết để lại không có di chúc cho ai nên yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với phần đất diện tích còn lại theo thẩm định đo đạc thực tế diện tích là 855m² làm 05 kỷ phần bằng nhau và chia bằng hiện vật; chia cho bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị P1, ông Nguyễn Văn H và hàng thừa kế chuyển tiếp của ông Nguyễn Văn H là anh Nguyễn Văn T, chị

Nguyễn Thị Thúy A nhưng khi cắt chia ra từng kỷ phần có chênh lệch về diện tích, nhưng giá trị chênh lệch không yêu cầu hoàn trả cho nhau. Riêng đối với số tiền 110.838.000 đồng ông D xin rút lại yêu cầu chia thừa kế, thống nhất để làm mồ mã cho ông bà, cha mẹ nhưng nếu ông H không thực hiện đúng thì ông D sẽ khởi kiện bằng vụ kiện khác.

** Tại lời khai trong các biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:* Ông H cũng thống nhất về hàng thừa kế như lời trình bày của phía nguyên đơn ông D là đúng. Ông H cũng thừa nhận phần đất tại số thửa 77, tờ bản đồ số 14, sau khi trừ diện tích giải tỏa đền bù, diện tích còn lại theo thẩm định đo đạc thực tế diện tích là 855m², đất tọa lạc tại ấp Q, xã N, thị xã L, tỉnh Tiền Giang và số tiền giải tỏa, đền bù diện tích đất 527,8m² là 110.838.000 đồng đây là tài sản di sản của cụ D1 chết để lại là đúng. Cụ D1 chết không có di chúc để lại cho ai nhưng ông H là người đang trực tiếp thờ cúng cha mẹ nên ông H yêu cầu được giữ lại toàn bộ số tài sản là di sản nói trên để thờ cúng ông bà, cha mẹ, không đồng ý chia theo yêu cầu của nguyên đơn ông D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Đối với việc làm mồ mã ông bà, cha mẹ ông H cũng đồng ý sẽ làm nhưng từ từ sẽ làm. Nếu Tòa án có chia thừa kế theo pháp luật tài sản là di sản của cụ D1 chết để lại đối với diện tích đất là 855m² nhưng khi cắt chia ra từng kỷ phần có chênh lệch về diện tích, nhưng giá trị chênh lệch cũng không yêu cầu hoàn trả lại cho nhau. Đối với cây dừa trồng trên đất là của vợ chồng ông H trồng nhưng ông H cũng đồng ý nếu cắt chia đất, cây dừa nằm trên đất của ai thì người đó hưởng, không yêu cầu bồi thường giá trị cây trồng trên đất và công sức đóng góp trong khối tài sản tranh chấp. Đối với phần đất tranh chấp nói trên thì một phần ở phía Bắc có diện tích 145,1m² vợ chồng ông H đã làm hợp đồng chuyển nhượng cho ông Nguyễn Thanh P vào ngày 22/02/2017, phía ông P đã giao đủ tiền và phía ông H cũng đã giao phần đất cho phía ông P quản lý sử dụng và ông P đã sang lấp mặt bằng, xây nhà kho và làm tường rào.

** Tại lời khai trong các biên bản hòa giải và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim P trình bày:* Bà P cũng thống nhất với lời trình bày của phía bị đơn ông Nguyễn Văn H là chồng của bà P. Đối với cây dừa trồng trên đất tranh chấp là của vợ chồng bà P trồng nhưng bà cũng đồng ý với ý kiến của ông H là nếu cắt chia đất, cây dừa nằm trên đất của ai thì người đó hưởng, không yêu cầu bồi thường giá trị cây trồng trên đất và công sức đóng góp trong khối tài sản tranh chấp.

** Tại lời khai trong các biên bản hòa giải và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị N trình bày:* Bà N cũng thống nhất về hàng thừa kế cũng như tài sản là di sản thừa kế của cụ D1 chết để lại như lời trình bày của phía nguyên đơn ông D là đúng. Cụ D1 chết không để lại di chúc nên Bà N cũng yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với phần đất theo thẩm định đo đạc thực tế diện tích là 855m², đất tọa lạc tại ấp Q, xã N, thị xã L, tỉnh Tiền Giang làm 5 kỷ phần nhưng khi cắt chia ra từng kỷ phần có

chênh lệch về diện tích, nhưng giá trị chênh lệch không yêu cầu hoàn trả lại cho nhau. Riêng đối với số tiền 110.838.000 đồng Bà N cũng xin rút lại yêu cầu chia thừa kế, thống nhất để lại làm mồ mã cho ông bà, cha mẹ nhưng nếu ông H không thực hiện đúng thì Bà N sẽ khởi kiện bằng vụ kiện khác.

** Tại lời khai trong các biên bản hòa giải và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị P1 trình bày:* Bà P1 cũng thống nhất về hàng thừa kế cũng như tài sản là di sản thừa kế của cụ D1 chết để lại như lời trình bày của phía nguyên đơn ông D là đúng. Bà P1 cũng yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với phần đất theo thẩm định đo đạc thực tế diện tích là 855m², đất tọa lạc tại ấp Q, xã N, thị xã L, tỉnh Tiền Giang làm 5 kỷ phần nhưng khi cắt chia ra từng kỷ phần có chênh lệch về diện tích, nhưng giá trị chênh lệch không yêu cầu hoàn trả lại cho nhau. Riêng đối với số tiền 110.838.000 đồng bà P1 cũng xin rút lại yêu cầu chia thừa kế, thống nhất để lại mồ mã cho ông bà, cha mẹ nhưng nếu ông H không thực hiện đúng thì bà P1 sẽ khởi kiện bằng vụ kiện khác.

** Tại lời khai trong các biên bản hòa giải và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị T, bà T cũng là đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Thúy A và là đại diện hợp pháp cho chị Nguyễn Thị Thúy A trình bày:* Bà T cũng thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn ông D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Bà T cũng yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với phần đất theo thẩm định đo đạc thực tế diện tích là 855m², đất tọa lạc tại ấp Q, xã N, thị xã L, tỉnh Tiền Giang làm 5 kỷ phần; khi cắt chia ra từng kỷ phần có chênh lệch về diện tích, nhưng giá trị chênh lệch không yêu cầu hoàn trả lại cho nhau. Do ông Nguyễn Văn H là hàng thừa kế thứ nhất đã chết nên phần của ông Hoàng được chia yêu cầu chia cho các con của ông H1 là anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Thúy A. Riêng đối với số tiền 110.838.000 đồng bà T cũng xin rút lại yêu cầu chia thừa kế, thống nhất để lại mồ mã cho ông bà, cha mẹ nhưng nếu ông H không thực hiện đúng thì hàng thừa kế của ông H1 sẽ khởi kiện bằng vụ kiện khác.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh P vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai thể hiện trong hồ sơ như sau:* Vào ngày 22/02/2017 phía vợ chồng ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Kim P có làm hợp đồng chuyển nhượng cho ông P phần đất diện tích 145m² nằm trong sổ thửa 77, tờ bản đồ số 14, đất tọa lạc tại ấp Q, xã N, thị xã L, tỉnh Tiền Giang. Phía ông P đã trả đủ tiền cho vợ chồng ông P và vợ chồng ông H đã giao phần đất cho phía ông P; ông P đã sang lấp mặt bằng, xây nhà kho và làm tường rào nhưng đến nay hai bên chưa làm thủ tục sang tên chuyển nhượng. Phía ông P chưa có yêu cầu khởi kiện vợ chồng ông H trong vụ kiện này nếu sau này vợ chồng ông H không làm thủ tục sang tên chuyển nhượng phần đất cho phía ông Phong thì ông sẽ khởi kiện vợ chồng ông H bằng một vụ kiện khác.

Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2019/DS-ST ngày 12/04/2019 của Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Xử:

Về dân sự: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn D và người có QLNVLQ bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị P1, anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Thúy A; anh T và chị A có đại diện theo ủy quyền là bà Lê Thị T, bà T cũng là đại diện hợp pháp cho chị Nguyễn Thị Thúy A về việc yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật cụ thể:

Đối với phần đất diện tích là 855m² cùng cây trồng trên đất nằm trong số thửa 77, tờ bản đồ số 14, đất tọa lạc tại ấp Q, xã N, thị xã L, tỉnh Tiền Giang. Chia cho ông Nguyễn Văn D phần đất diện tích là 177,4m², phía Đông giáp phần đất chia cho ông chia cho bà Nguyễn Thị N, phía Tây giáp thửa đất 78, phía Nam giáp thửa đất 113, phía Bắc giáp tuyến tránh Quốc lộ 1A. Chia cho bà Nguyễn Thị N phần đất diện tích là 177,5m², phía Đông giáp phần đất chia cho bà Nguyễn Thị P1, phía Tây giáp phần đất chia cho ông Nguyễn Văn D, phía Nam giáp thửa đất 113, phía Bắc giáp tuyến tránh Quốc lộ 1A. Chia cho bà Nguyễn Thị P1 phần đất diện tích là 177,5m², phía Đông giáp phần đất chia cho anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Thúy A, phía Tây giáp phần đất chia cho bà Nguyễn Thị N, phía Nam giáp thửa đất 113, phía Bắc giáp tuyến tránh Quốc lộ 1A. Chia cho anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Thúy An phần đất diện tích là 177,5m², phía Đông giáp thửa đất 237, phía Tây giáp phần đất chia cho bà Nguyễn Thị P1, phía Nam giáp thửa đất 113, phía Bắc giáp tuyến tránh Quốc lộ 1A. Chia cho ông Nguyễn Văn H phần đất diện tích 145,1m², phía Đông giáp thửa đất 236, phía Tây giáp thửa đất 78, phía Nam giáp tuyến tránh Quốc lộ 1A, phía Bắc giáp ruộng. (có sơ đồ kèm theo)

Các đương sự được chia thừa kế được quyền kê khai, đăng ký các phần đất được chia theo quyết định của bản án tại các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận QSDĐ theo đúng quy định của pháp luật.

Đình chỉ đối với yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Văn D và người có QLNVLQ bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị P1, anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Thúy A; anh T và chị A có đại diện theo ủy quyền là bà Lê Thị T, bà T cũng là đại diện hợp pháp cho chị Nguyễn Thị Thúy A về việc yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với số tiền giá trị đất đền bù giải tỏa là 110.838.000 đồng.

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn D và người có QLNVLQ bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị P1, anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Thúy A được quyền khởi kiện lại nội dung đã rút yêu cầu theo thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định pháp luật.

* Ngày 24/04/2019, bị đơn ông Nguyễn Văn H có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm số 14/2019/DS-ST ngày 12/04/2019 của Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Tiền Giang, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo ông Nguyễn Văn H yêu cầu giữ nguyên phần đất mà ông được chia theo án sơ thẩm. Riêng 04 phần còn lại ông H yêu cầu chia ra là 05, ông được nhận thêm 01 phần tính công sức gìn giữ tài sản cho ông. Nguyên đơn ông D cùng người có liên quan không chấp nhận theo yêu cầu kháng cáo của ông H, các đương sự tự nguyện để cho ông H được tiếp tục quản lý và sở hữu 110.838.000đ là số tiền được bồi thường do giải tỏa phần đất 527,8m² là di sản thừa kế.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang xác định quá trình tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật, Viện kiểm sát không bổ sung gì thêm. Về nội dung vụ án, Tòa cấp sơ thẩm xét xử là có cơ sở. Tại cấp phúc thẩm, nguyên đơn cùng những người có liên quan là đồng thừa kế tự nguyện giao giá trị đất bị giải tỏa đền bù cho ông H được hưởng, việc này là có lợi cho người kháng cáo là ông H nên đề nghị công nhận sửa án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ và các tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang, nhận thấy:

[1] Về tố tụng:

Tại phiên tòa phúc thẩm có đương sự là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt hoặc vắng mặt lần thứ 2 mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Tuy nhiên họ đã trình bày, thể hiện ý chí bằng văn bản trong hồ sơ vụ án. Xét thấy việc vắng mặt họ không ảnh hưởng đến xét xử phúc thẩm, được pháp luật cho phép nên căn cứ vào Điều 227 và 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt.

[2] Theo đơn kháng cáo, lời trình bày tại phiên tòa ông Nguyễn Văn H cho rằng ông có công nuôi mẹ, trả 01 chỉ vàng mà cụ D1 nhận cọc bán đất, gìn giữ đất. Ông H yêu cầu ngoài phần đất ông được chia theo án sơ thẩm, đất còn lại phải chia 05 phần đều nhau, ông được nhận thêm 01 phần.

Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, kết quả xác minh tại cấp phúc thẩm nhận thấy: Quá trình quản lý phần đất là di sản thừa kế, ông H cho thuê và hưởng tiền thuê đất hàng năm. Về việc chăm sóc mẹ là cụ D1, thực tế cho thấy ông H là con út, sống cùng cụ D1 nhưng do mâu thuẫn, cụ D1 dựng nhà tạm sinh sống riêng. Năm 2003, cụ D1 bệnh nặng ông H có rước cụ về nhưng việc chăm sóc thì do tất cả các con thay phiên thực hiện. Xác định mặc dù ông là người quản lý đất là di sản thừa kế nhưng thực tế ông cho thuê thu lợi hàng năm; việc nuôi mẹ không chỉ riêng ông mà là của tất cả anh, chị em đều có

công sức, đây là trách nhiệm của con cái đối với cha mẹ nên không thể tính công bằng giá trị cụ thể.

Mặc khác, ông H đã nhận tiền đền bù do bị giải tỏa thu hồi 01 phần 527,8m² trong thửa đất là di sản tranh chấp với số tiền là 110.838.000đ. Tại văn bản ngày 06 và 13/11/2019 cũng như tại phiên tòa nguyên đơn cùng các đồng thừa kế chấp nhận để cho ông H tiếp tục được hưởng số tiền này, xem như bù đắp việc quản lý đất đai, thờ cúng ông bà. Ngoài ra, tại án sơ thẩm đất ông H được chia diện tích nhỏ hơn đất chia cho từng kỷ phần khác, lý do ông đã thỏa thuận bán phần đất này cho người khác nên có nguyện vọng được nhận kỷ phần là phần đất nêu trên, không ý kiến gì đối với diện tích chênh lệch kể cả 01 số cây trồng có trên đất. Thấy rằng cấp sơ thẩm đã chia cho ông H tương đương 01 kỷ phần bằng đất theo nguyện vọng của ông. Tại cấp phúc thẩm ông D cùng các đồng thừa kế đồng ý chia thêm cho ông H số tiền 110.838.000đ tiền đền bù do thu hồi đất diện tích 527,8m². Việc phân chia cho ông H được hưởng thừa kế như trên là rất có lợi cho ông H mặc dù ông không có nhiều công sức quản lý, giữ gìn đất đai.

Xét đề nghị của ông D cùng các đồng thừa kế như trên là tự nguyện, ngoài việc ông H cho rằng ông có bỏ ra 01 chỉ vàng trả tiền cọc đất, được cấp phúc thẩm xác minh là đúng, các phần khác ông kháng cáo nhưng như đã nhận định ở trên ông không có công sức trong việc gìn giữ, phát triển tài sản là di sản, ông hưởng lợi nhiều năm bằng việc cho thuê đất là di sản thừa kế. Thấy rằng việc tự nguyện của ông D cùng các đồng thừa kế là có lợi cho bị đơn ông H nên được chấp nhận.

Xét thấy án sơ thẩm xét xử là có cơ sở, tuy nhiên do có sự tự nguyện như trên không trái với pháp luật, đây là sự việc mới phát sinh tại cấp phúc thẩm cần được công nhận và sửa án sơ thẩm.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang là phù hợp với thực tế, với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Về án phí, các đương sự tranh chấp về thừa kế có thân nhân là liệt sĩ, được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ nên được miễn tiền án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, Điều 148, khoản 2 Điều 308, Điều 309 và Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 623, 649, 651, 652, 660 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Sửa 01 phần bản án dân sự sơ thẩm số 14/2019/DS-ST ngày 12/4/2019 của Tòa án nhân thị xã L, tỉnh Tiền Giang.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn D và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị P1, anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Thúy A; anh Thành và chị An có đại diện theo ủy quyền là bà Lê Thị T, bà T cũng là đại diện hợp pháp cho chị Nguyễn Thị Thúy A về việc yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật cụ thể:

Đối với phần đất diện tích là 855m² cùng cây trồng trên đất nằm trong số thửa 77, tờ bản đồ số 14, đất tọa lạc tại ấp Q, xã N, thị xã L, tỉnh Tiền Giang. Chia cho ông Nguyễn Văn D phần đất diện tích là 177,4m², phía Đông giáp phần đất chia cho chị Nguyễn Thị Thúy A và anh Nguyễn Văn T, phía Tây giáp thửa đất 78, phía Nam giáp thửa đất 113, phía Bắc giáp tuyến tránh Quốc lộ 1A. Chia cho chị Nguyễn Thị Thúy A và anh Nguyễn Văn T phần đất diện tích là 177,5m², phía Đông giáp phần đất chia cho bà Nguyễn Thị P1, phía Tây giáp phần đất chia cho ông Nguyễn Văn D, phía Nam giáp thửa đất 113, phía Bắc giáp tuyến tránh Quốc lộ 1A. Chia cho bà Nguyễn Thị P1 phần đất diện tích là 177,5m², phía Đông giáp phần đất chia cho Nguyễn Thị N, phía Tây giáp phần đất chia cho chị Nguyễn Thị Thúy A và anh Nguyễn Văn T, phía Nam giáp thửa đất 113, phía Bắc giáp tuyến tránh Quốc lộ 1A. Chia cho bà Nguyễn Thị N phần đất diện tích là 177,5m², phía Đông giáp thửa đất 237, phía Tây giáp phần đất chia cho bà Nguyễn Thị P1, phía Nam giáp thửa đất 113, phía Bắc giáp tuyến tránh Quốc lộ 1A.

Chia cho ông Nguyễn Văn H phần đất diện tích 145,1m², phía Đông giáp thửa đất 236, phía Tây giáp thửa đất 78, phía Nam giáp tuyến tránh Quốc lộ 1A, phía Bắc giáp mương. (có sơ đồ kèm theo)

Các đương sự được chia thừa kế được quyền kê khai, đăng ký các phần đất được chia theo quyết định của bản án tại các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn, các đồng thừa kế giao cho ông Nguyễn Văn H được tiếp tục quản lý và sở hữu số tiền 110.838.000đ (Một trăm mười triệu tám trăm ba mươi tám nghìn đồng).

3. Về án phí:

Ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị P1, ông Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Thúy A được miễn toàn bộ án

phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Văn H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Do vậy hoàn lại cho ông Nguyễn Văn D 4.554.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001387, ngày 02/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L, tỉnh Tiền Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND TX L;
- Chi cục THADS TX L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Trung Hiếu